TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ Pên toà: Bà Nguyễn Bích Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đăng Tuấn
2. Bà Trần Thị Nơi.

- Thư ký Pên toà: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia Pên tòa: Ông Lê Quang Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng C
Địa chỉ trụ sở: Số 169 L, phường H, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ Tổng giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T1 - Chức vụ Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Thái Bình (theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS, ngày 25-11-2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội); Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Trung K - Chức vụ phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Thái Bình (theo văn bản ủy quyền số 204/GUQ-NHCS, ngày 11-11-2022), ông K xin vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1958

3.3. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963

Đều ở địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (ông P và bà H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại Pên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 04-11-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị có nghi ngờ anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 02 năm 2018, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 15-4-2015, nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thanh L, không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có vay của Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện H, tỉnh Thái Bình tổng số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng); khoản thứ nhất, số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 19-10-2020, lãi suất 8,25%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19-10-2024, vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo; khoản vay thứ 2, số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 19-02-2022, lãi suất 9%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19-02-20027, vay theo chương trình nước sạch, đến nay chưa trả được toàn bộ số nợ trên (các khoản vay này đều vay từ năm 2017, sau đó đáo hạn chuyển sang năm 2020 và năm 2022); các khoản vay này anh T là người ký người thừa kế nghĩa vụ; mục đích vay để sử dụng cho đời sống sinh hoạt gia đình. Vợ chồng chị còn nhờ mẹ chồng là bà Hoàng Thị H vay hộ của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện H số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 20-5-2020, đến nay chưa trả cho bà H. Nay ly hôn cá nhân chị có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn, cá nhân anh T có trách nhiệm trả cho bà H và ông P số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 04-11-2013. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống hòa thuận đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị T nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng không có sự việc này. Mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2018, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn ly hôn, anh nhất trí.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 15-4-2015, nếu ly hôn anh nhường chị T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thanh L và không góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai trong quá trình chung sống vợ chồng có vay của Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tổng số tiền 70.000.000 đồng (Bẩy mươi triệu đồng); khoản thứ nhất, số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 19-10-2020, lãi suất 8,25%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19-10-2024; khoản vay thứ 2 , số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 19-02-2022, lãi suất 9%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19-02-20027, đến nay chưa trả được toàn bộ số nợ trên. Anh không biết về hai khoản vay trên, mục đích vay không sử dụng cho đời sống sinh hoạt gia đình, chị T vay khi vợ chồng đã ly thân. Nay ly hôn đây là khoản vay riêng của chị T nên chị T có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 70.000.000 đồng. Chị T khai có nhờ mẹ đẻ anh là bà Hoàng Thị H vay hộ của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Hưng Hà số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 20-5-2020, đến nay chưa trả cho bà H. Nay ly hôn anh có trách nhiệm trả cho bà H và ông P số tiền nợ trên. Anh đề nghị Tòa án cho anh xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa.

Tại đơn đề nghị, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung K là người đại diện theo ủy lại của Ngân hàng C trình bày:

Chị Nguyễn Thị T là khách hàng của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện H. Ngân hàng có cho chị T vay, anh T là người ký kế thừa nghĩa vụ với các khoản cụ thể như sau: khoản thứ nhất, mã khách hàng số 7078726827, số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 19-10-2020, lãi suất 8,25%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19-10-2024; khoản vay thứ 2, mã món vay 6600000722180544, số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 19-02-2022, lãi suất 9%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19-02-20027, đến nay chưa trả được toàn bộ số nợ trên. Nay chị T và anh T ly hôn, Ngân hàng nhất trí để cá nhân chị T là người có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng các khoản vay trên khi đến hạn nợ gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng theo hợp đồng đã ký với Phòng giao dịch ngân hàng chính sách

xã hội huyện H. Vì công việc bân nên ông đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại đơn đề nghị ngày 19-12-2022, ông Nguyễn Anh P và bà Hoàng Thị H trình bày:

Vào ngày 20-5-2020, bà có vay hộ chị T số tiền 30.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện H. Nay chị T và anh T ly hôn ông, bà nhất trí để anh T có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông bà số tiền 30.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu trả tiền lãi. Ông bà không yêu cầu chị T phải trả cho ông bà số tiền 30.000.000 đồng. Ông, bà đề nghị Tòa án cho ông bà được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng; Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: về hôn nhân, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T; về nuôi con chung: xử giao con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 15-4-2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của chị T, không yêu cầu anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; Về tài sản chung: không giải quyết. Về nợ chung: chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh T và ông K về việc chị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C phòng giao dịch huyện H số tiền vay là 70.000.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh T, ông P và bà H về việc anh T có trách nhiệm trả cho ông P và bà H số tiền 30.000.000 đồng tiền nợ gốc. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại Pên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật*: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đình T, yêu cầu giải quyết về nuôi con chung, giải quyết về nợ chung, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung".

[2] *Về tố tụng:* Ông P, bà H, anh T xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa; chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; ông K có đơn xin vắng mặt tại Pên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P, bà H, anh T và ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Đình T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 04-11-2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, chị T và anh T không khắc phục được đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T nhất trí. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 15-4-2015, chị T và anh T thống nhất để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy cần giao con chung Nguyễn Thanh L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của chị T là phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về chia tài sản chung*: Chị T và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung, HĐXX thấy các khoản vay gồm số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 19-10-2020, số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 19-02-2022 của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Hưng Hà và số tiền 30.000.000 đồng của bà H vào ngày 20-5-2020 đến nay chưa trả cho Ngân hàng và bà H, mặc dù chị T là người trực tiếp vay nhưng anh T là người ký thừa kế nghĩa vụ, là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân của chị T và đều có mục đích phục vụ đời sống hàng ngày, hơn nữa anh T không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh đây là khoản vay riêng của chị T nên cần xác định các khoản khoản vay này là khoản vay chung của chị T và anh T.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị T, anh T và ông K thống nhất để chị T là người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C phòng giao dịch huyện H số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc cùng lãi, phí phát sinh khi đến hạn trả nợ và đến khi chị T thực tế thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng; chị T, anh T, ông P và bà H thống nhất để anh T có trách nhiệm trả cho ông P và bà H số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc; HĐXX thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này.

[7] *Về án phí*: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là 70.000.000 đồng x 5% = 3.500.000 đồng; anh T phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

[8] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình T.

2.Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh L, sinh ngày 15-4-2015. Anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T. Buộc chị T phải trả cho Ngân hàng C thông qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Thái Bình với tổng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) khi đến hạn trả nợ với các khoản vay gồm: khoản vay thứ nhất, số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo mã khách hàng số 7078726827, ngày 19-10-2020, lãi suất 8,25%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19-10-2024; khoản vay thứ 2, số tiền 20.000.000 đồng theo mã món vay 6600000722180544, ngày 19-02-2022, lãi suất 9%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19-02-20027. Chị T có trách nhiệm trả lãi hàng tháng, phí phát sinh cho các khoản vay trên theo hợp đồng đã ký với phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H đến thời điểm chị T thực tế trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng vay đã ký.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đình T. Buộc anh T phải trả cho bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Anh P số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Bà H và ông P không yêu cầu anh T trả tiền lãi.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 3.500.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005883 ngày 02-11-2022 và số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005884 ngày 02-11-2022 của Chi cục T hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, chị T còn phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Anh Nguyễn Đình T phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Anh P, bà Hoàng Thị H, ông Trần Trung K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy